VFM
VIETFUND MANAGEMENT

Số :0903/VFM.2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/*Dear* : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/*Authorized Participants and Investors*

Công ty QLQ VFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:
VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: **Quỹ ETF VFMVN30**/ *Fund name:* ***VFMVN30 ETF***
- Mã ccq/Code: **E1VFVN30**
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange Date:* 09-03-2020
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ *Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares*
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of component securities and cash component:*

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
1	BID	360	1.21%
2	BVH	150	0.59%
3	CTD	80	0.40%
4	CTG	760	1.41%
5	EIB	1,000	1.24%
6	FPT	1,230	4.78%
7	GAS	220	1.23%
8	HDB	1,530	3.08%
9	HPG	3,760	6.06%
10	MBB	3,160	4.69%
11	MSN	1,060	4.15%
12	MWG	650	4.82%
13	NVL	750	2.91%
14	PLX	240	0.86%
15	PNJ	410	2.38%
16	POW	1,060	0.77%
17	REE	390	0.90%
18	ROS	580	0.31%
19	SAB	160	1.87%
20	SBT	600	0.87%
21	SSI	690	0.83%
22	STB	4,090	3.60%
23	TCB	5,160	8.19%
24	VCB	670	4.07%
25	VHM	850	4.95%
26	VIC	1,040	7.86%
27	VJC	590	5.11%
28	VNM	1,250	9.37%
29	VPB	3,870	7.66%
30	VRE	940	1.93%

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spead between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 1,363,589,500

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,389,952,056
- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND) 26,362,556
- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:
+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component
+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/*Criteria*	Kỳ này/*This period* **09-03-2020**	Kỳ này/This period **06-03-2020**	Chênh lệch/ *Changes*
Số lô đã phát hành thêm Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	3	0	3
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued Shares	485,000,000	485,300,000	-300,000
Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price	13,020	13,810	-790
Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	6,745,437,329,412	6,771,086,729,183	-25,649,399,771
của một lô ETF/per Creation Unit	1,389,952,056	1,395,237,323	-5,285,267
của một chứng chỉ quỹ/per Share	13,899.52	13,952.37	-52.85
Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	863.92	922.54	-58.62

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VFM/*Fund Management Company VFM*

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc/CEO